

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ THAY THẾ

*Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và
Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ đối với ngành Công Thương*

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
1	<i>Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022; Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ; Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến; Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ; Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và quy định về Hội đồng Sáng kiến đối với ngành Công Thương.</i>	<i>Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022; Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ; Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ đối với ngành Công Thương.</i>	<i>Thay thế Nghị định số 96/2022/NĐ-CP và Nghị định số 105/2024/NĐ-CP bằng Nghị định số 40/2025/NĐ-CP. Thay thế Nghị định số 98/2023/NĐ-CP bằng Nghị định số 152/2025/NĐ-CP.</i>
	Không có	Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	Bổ sung
	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh <i>Thông tư này quy định chi tiết thi hành khoản 4 Điều 24; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 2 Điều 71; khoản 6 Điều 74; khoản 2 Điều 75; khoản 6 Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến.</i>	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh <i>Thông tư này quy định chi tiết thi hành khoản 4 Điều 24, khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 27, khoản 3 Điều 28, khoản 2 Điều 71, khoản 6 Điều 74, khoản 2 Điều 75 và khoản 6 Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng; quy định các nội dung được phân cấp tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi chung là Thông tư).</i>	<i>Bổ sung các nội dung được phân cấp tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP (phần in nghiêng)</i>

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
	Điều 2. Đối tượng áp dụng Thông tư này áp dụng đối với tập thể, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc, trực thuộc Bộ, ngành Công Thương, hộ gia đình; các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có thành tích đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đối với ngành Công Thương.	Điều 2. Đối tượng áp dụng Thông tư này áp dụng đối với tập thể, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ, ngành Công Thương; hộ gia đình; các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có thành tích đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Công Thương.	Giữ nguyên
	Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. “<i>Các đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc Bộ</i>”, “<i>Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ</i>”, “<i>Các doanh nghiệp thuộc bộ</i>” bao gồm: Các đơn vị được quy định trong các Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và các cơ quan, doanh nghiệp thuộc Bộ được quy định tại các văn bản khác. 2. “<i>Các tập thể lớn</i>” bao gồm: Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được quy định tại khoản 1 và các doanh nghiệp trực thuộc Bộ. 3. “<i>Các tập thể nhỏ</i>” bao gồm: Các đơn vị, doanh nghiệp cấu thành các đơn vị, doanh nghiệp được quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều 3 Thông tư này. 4. “<i>Khối thi đua</i>” bao gồm: Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc, trực thuộc Bộ. 5. “<i>Cụm thi đua</i>” bao gồm: Các Sở Công Thương thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	Điều 3. Giải thích từ ngữ 1. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ bao gồm: Đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc Bộ, Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ và Doanh nghiệp thuộc Bộ được quy định trong Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và các văn bản khác. 2. “<i>Các tập thể lớn</i>” bao gồm: Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được quy định tại khoản 1 Điều này. 3. “<i>Các tập thể nhỏ</i>” bao gồm: Các đơn vị, doanh nghiệp cấu thành các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được quy định tại khoản 2 Điều này. 4. “<i>Khối thi đua</i>” bao gồm: Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ. 5. “<i>Cụm thi đua</i>” bao gồm: Sở Công Thương thuộc các tỉnh, thành phố. 6. “<i>Khối Cơ quan Bộ Công Thương</i>” bao gồm: Các Vụ, Văn phòng Bộ, Đảng ủy Bộ Công Thương; Văn phòng Ban chỉ đạo liên ngành Hội nhập quốc tế về kinh tế; Văn phòng Ban Chỉ đạo Nhà nước các dự án ngành năng lượng và các đơn vị khác thuộc Bộ không có tư cách pháp nhân được quy định tại văn bản do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành.	Giữ nguyên. Khoản 5. Bỏ “ <i>Các ... trực thuộc ...</i> ” Bổ sung khoản 6.
	Không có	Chương II ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, HỒ SƠ, THỦ TỤC XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA BỘ VÀ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, DOANH NGHIỆP THUỘC BỘ CÔNG THƯƠNG; VIỆC CÔNG NHẬN MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ	Bổ sung

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
	Điều 6. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” 1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng và tại khoản 5 Biểu 1 Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng. 2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” bao gồm: Các đơn vị, doanh nghiệp được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 3 Thông tư này.	Điều 4. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” 1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022. 2. Việc bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với một số trường hợp cụ thể thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi chung là Thông tư số 15/2025/TT-BNV). 3. Không bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với một trong các trường hợp sau đây: a) Cá nhân có tổng thời gian không tham gia công tác theo quy định của pháp luật trong năm xét khen thưởng từ 03 tháng trở lên, trừ trường hợp nghỉ chế độ thai sản theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi chung là Nghị định số 152/2025/NĐ-CP); b) Cá nhân mới tuyển dụng dưới 06 tháng theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 2 Thông tư số 15/2025/TT-BNV và cá nhân ký hợp đồng lao động lần đầu dưới 06 tháng. 4. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” bao gồm: Các cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được quy định tại khoản 1 Điều 3.	Thay thế Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bằng Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Bổ sung khoản 2 và khoản 3.
	Điều 4. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công Thương” 1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công Thương” được xét tặng hàng năm cho các tập thể lớn dẫn đầu phong trào thi đua của Khối thi đua, Cụm thi đua do Bộ tổ chức và đạt các tiêu chuẩn sau: a) Đảm bảo thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Thi đua, khen thưởng;	Điều 5. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công Thương” 1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công Thương” được xét tặng hàng năm cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của Khối, Cụm thi đua do Bộ Công Thương tổ chức và đạt các tiêu chuẩn sau: a) Hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong Bộ Công Thương. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp thuộc Bộ phải thực hiện tốt các quy định của pháp	Giữ nguyên. Diễn giải chi tiết quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022.

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
	b) Theo quy định tại các văn bản hướng dẫn tổng kết thi đua và xét, trình khen thưởng hằng năm của Bộ Công Thương. 2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công Thương” để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Bộ Công Thương phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào. Đối với từng phong trào thi đua, Bộ Công Thương ban hành văn bản để hướng dẫn tổng kết, khen thưởng. 3. Đối tượng xét tặng “Cờ thi đua của Bộ Công Thương” bao gồm: a) Các đơn vị, doanh nghiệp được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Thông tư này; b) Công đoàn Công Thương Việt Nam và Sở Công Thương thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Công Thương); c) Các tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Bộ Công Thương phát động có thời gian thực hiện từ 03 (ba) năm trở lên khi tổng kết phong trào.	luật, nghĩa vụ đối với Nhà nước và Bộ Công Thương; b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể (nếu có) trong sạch, vững mạnh; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác. 2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công Thương” để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Bộ Công Thương phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào. Bộ Công Thương ban hành các văn bản hướng dẫn tổng kết, khen thưởng theo từng phong trào thi đua. 3. Đối tượng xét tặng “Cờ thi đua của Bộ Công Thương” bao gồm: a) Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được quy định tại khoản 1 Điều 3; b) Công đoàn Công Thương Việt Nam và Sở Công Thương thuộc các tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là Sở Công Thương); c) Các tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Bộ Công Thương phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào.	
	Điều 5. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” 1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng. 2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” bao gồm: Các cơ quan, đơn vị được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 3 Thông tư này.	Điều 6. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” 1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022. 2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” bao gồm: Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 3.	Giữ nguyên
	Điều 7. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” 1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng. 2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” bao gồm: Các cơ quan, đơn vị được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 3 Thông tư này.	Điều 7. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” 1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022. 2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” bao gồm: Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 3.	Giữ nguyên

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
	Điều 10. Tiêu chuẩn xét tặng hoặc truy tặng Bằng khen của Bộ Công Thương 1. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý đạt một trong các tiêu chuẩn sau: a) Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng; b) Có quá trình công tác trong các đơn vị thuộc Bộ Công Thương, có đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Công Thương, được xét tặng trước khi nghỉ chế độ hưu trí; c) Đạt nhiều thành tích trong công tác có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ Công Thương góp phần xây dựng và phát triển ngành Công Thương Việt Nam nhân dịp kỷ niệm (năm tròn và năm lẻ 5) ngày thành lập ngành Công Thương hoặc đơn vị; d) Các trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định. 2. Bằng khen của Bộ Công Thương để tặng cho tập thể, doanh nghiệp, các tổ chức khác thuộc thẩm quyền quản lý đạt một trong các tiêu chuẩn sau: a) Thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng; b) Đạt nhiều thành tích trong công tác có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ Công Thương góp phần xây dựng và phát triển ngành Công Thương Việt Nam nhân dịp kỷ niệm (năm tròn và năm lẻ 5) ngày thành lập ngành Công Thương hoặc đơn vị. 3. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương để tặng cho hộ gia đình thuộc thẩm quyền quản lý chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Công Thương Việt Nam. 4. Các trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Công	Điều 8. Tiêu chuẩn xét tặng hoặc truy tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương 1. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau: a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Bộ trưởng Bộ Công Thương phát động hoặc triển khai thực hiện; b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo trong các ngành, lĩnh vực và các nhiệm vụ khác do Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; d) Cá nhân thuộc Bộ Công Thương có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở; đ) Có quá trình công tác trong các đơn vị thuộc Bộ Công Thương, có đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Công Thương, được xét tặng trước khi nghỉ chế độ hưu trí; e) Đạt nhiều thành tích trong công tác có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ Công Thương góp phần xây dựng và phát triển ngành Công Thương nhân dịp kỷ niệm (năm tròn) ngày thành lập ngành Công Thương hoặc đơn vị; g) Các trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định. 2. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương để tặng hoặc truy tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều này hoặc có thành tích, đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển của Bộ, ngành Công Thương. 3. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:	Giữ nguyên Diễn giải chi tiết quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022.

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
	Thương xem xét, quyết định.	a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Bộ trưởng Bộ Công Thương phát động hoặc triển khai thực hiện; b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo trong các ngành, lĩnh vực và các nhiệm vụ khác do Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; d) Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công Thương có 02 năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc 02 năm liên tục đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; đ) Đạt nhiều thành tích trong công tác có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ Công Thương góp phần xây dựng và phát triển ngành Công Thương nhân dịp kỷ niệm (năm tròn) ngày thành lập ngành Công Thương hoặc đơn vị; e) Các trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định. 4. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương để tặng cho hộ gia đình thuộc thẩm quyền quản lý chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Công Thương. 5. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương để tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích, đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển của Bộ, ngành Công Thương.	
	Điều 8. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển ngành Công Thương Việt Nam” Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển ngành Công Thương Việt Nam” (Mẫu số 02) là hình thức khen thưởng của Bộ trưởng Bộ Công Thương để ghi nhận sự cống hiến của cá nhân đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển ngành Công Thương Việt Nam” đạt một trong các tiêu chuẩn sau: 1. Đối với cá nhân trong ngành Công Thương	Điều 9. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển ngành Công Thương Việt Nam” Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển ngành Công Thương Việt Nam” (Mẫu số 1.7 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư) là hình thức khen thưởng của Bộ trưởng Bộ Công Thương để ghi nhận sự cống hiến của cá nhân đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển ngành Công Thương đạt một trong các tiêu chuẩn sau: 1. Đối với cá nhân trong ngành Công Thương: a) Cá nhân đã hoặc đang công tác tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp,	Giữ nguyên

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
	a) Cá nhân đã hoặc đang công tác tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, các tổ chức trong ngành Công Thương có thời gian công tác trong ngành tối thiểu 20 năm đối với nam, 15 năm đối với nữ; 10 năm đối với người trực tiếp lao động trong các nghề độc hại, nguy hiểm tính đến thời điểm đề nghị xét tặng. b) Các trường hợp không tính thâm niên công tác khi xét tặng bao gồm: Cá nhân đạt danh hiệu Anh hùng Lao động; Chiến sĩ thi đua toàn, quốc; Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo Ưu tú, Thầy thuốc Nhân dân, Thầy thuốc Ưu tú công tác trong ngành Công Thương; Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ; Cá nhân có sáng chế phát minh, công trình khoa học cấp Nhà nước được áp dụng trong ngành Công Thương. 2. Đối với cá nhân ngoài ngành Công Thương a) Cá nhân có sáng chế phát minh, công trình khoa học cấp Nhà nước được áp dụng trong ngành Công Thương, góp phần vào sự phát triển ngành Công Thương; b) Cán bộ Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đoàn thể, hội, hiệp hội, ở Trung ương và địa phương có nhiều đóng góp vào sự phát triển của ngành Công Thương theo đề nghị của các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Công Thương và Sở Công Thương; c) Công dân Việt Nam ở nước ngoài có nhiều đóng góp vào sự phát triển của ngành Công Thương Việt Nam; d) Cá nhân là người nước ngoài có công xây dựng, củng cố và phát triển quan hệ đối ngoại của ngành Công Thương Việt Nam hoặc có sự ủng hộ về tinh thần, vật chất cho sự phát triển ngành Công Thương Việt Nam. 3. Đối với các trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét quyết định. 4. Chưa xét tặng hoặc đề nghị cấp trên xét tặng Kỷ niệm chương cho cá nhân thuộc trường hợp quy định	các tổ chức trong ngành Công Thương có thời gian công tác trong ngành tối thiểu 20 năm đối với nam, 15 năm đối với nữ; 10 năm đối với người trực tiếp lao động trong các nghề độc hại, nguy hiểm; tính đến thời điểm đề nghị. b) Các trường hợp không tính thâm niên công tác khi xét tặng: Cá nhân đạt danh hiệu Anh hùng Lao động; Chiến sĩ thi đua toàn quốc; Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo Ưu tú, Thầy thuốc Nhân dân, Thầy thuốc Ưu tú công tác trong ngành Công Thương; Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ; Cá nhân có sáng chế phát minh, công trình khoa học cấp Nhà nước được áp dụng trong ngành Công Thương. 2. Đối với cá nhân ngoài ngành Công Thương: a) Cá nhân có sáng chế phát minh, công trình khoa học cấp Nhà nước được áp dụng trong ngành Công Thương, góp phần vào sự phát triển ngành Công Thương; b) Cán bộ Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đoàn thể, hội, hiệp hội, ở Trung ương và địa phương có nhiều đóng góp vào sự phát triển của ngành Công Thương theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và Sở Công Thương; c) Công dân Việt Nam ở nước ngoài có nhiều đóng góp vào sự phát triển của ngành Công Thương; d) Cá nhân là người nước ngoài có công xây dựng, củng cố và phát triển quan hệ đối ngoại của ngành Công Thương hoặc có sự ủng hộ về tinh thần, vật chất cho sự phát triển ngành Công Thương. 3. Đối với các trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét quyết định. 4. Chưa xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển ngành Công Thương Việt Nam” (sau đây gọi chung là Kỷ niệm chương) đối với người bị kỷ luật nhưng chưa hết thời hiệu kỷ luật, thời gian bị kỷ luật không được tính vào thời gian xem xét tặng Kỷ niệm chương. 5. Các trường hợp không được xét tặng Kỷ niệm chương: a) Cá nhân đã được tặng một trong các hình thức khen thưởng sau: Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển Công nghiệp Việt Nam”, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Thương mại”, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển ngành Công Thương Việt Nam”; b) Người đã tự ý bỏ việc khỏi cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.	

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
	tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi là Nghị định số 98/2023/NĐ-CP). 5. Các trường hợp không được xét tặng Kỷ niệm chương a) Cá nhân đã được tặng một trong các Kỷ niệm chương sau: Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển Công nghiệp Việt Nam”, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Thương mại”, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển ngành Công Thương Việt Nam”; b) Người đã tự ý bỏ việc khỏi đơn vị. Điều 9. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Quản lý thị trường” Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Quản lý thị trường” (Mẫu số 03) là hình thức khen thưởng của Bộ trưởng Bộ Công Thương để ghi nhận sự cống hiến của cá nhân đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển lực lượng Quản lý thị trường đạt một trong các tiêu chuẩn sau: 1. Đối với cá nhân trong lực lượng Quản lý thị trường: a) Cá nhân đã hoặc đang công tác trong lực lượng Quản lý thị trường có thời gian công tác trong ngành tối thiểu 20 năm đối với nam, 15 năm đối với nữ. Thời gian cá nhân trong lực lượng Quản lý thị trường được cử đi làm nghĩa vụ quân sự, đi học tập trung hạn, dài hạn sau đó lại được điều động về công tác trong lực lượng Quản lý thị trường thì được tính là thời gian công tác liên tục trong lực lượng Quản lý thị trường. b) Các trường hợp không tính thâm niên công tác khi xét tặng bao gồm: Cá nhân đạt danh hiệu Anh hùng Lao động; Chiến sĩ thi đua toàn quốc; Cá nhân có sáng chế phát minh, công trình khoa học cấp Nhà nước được áp dụng trong lực lượng Quản lý thị trường. 2. Đối với cá nhân ngoài lực lượng Quản lý thị trường:		Bỏ: Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Quản lý thị trường” Vì, Quản lý thị trường thuộc ngành Công Thương

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
	a) Cá nhân có sáng chế phát minh công trình khoa học cấp Nhà nước được áp dụng trong lực lượng Quản lý thị trường, góp phần vào sự phát triển lực lượng Quản lý thị trường. b) Cán bộ Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đoàn thể, hội, hiệp hội ở Trung ương và địa phương có nhiều đóng góp vào sự phát triển của lực lượng Quản lý thị trường theo đề nghị của Cơ quan thực hiện quản lý nhà nước đối với lực lượng Quản lý thị trường các cấp. c) Công dân Việt Nam ở nước ngoài có nhiều đóng góp vào sự phát triển của lực lượng Quản lý thị trường. d) Cá nhân là người nước ngoài có công xây dựng, củng cố và phát triển quan hệ đối ngoại của lực lượng Quản lý thị trường hoặc có sự ủng hộ về tinh thần, vật chất cho sự phát triển lực lượng Quản lý thị trường. 3. Đối với các trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét quyết định. 4. Chưa xét tặng hoặc đề nghị cấp trên xét tặng Kỷ niệm chương cho cá nhân thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP. 5. Các trường hợp không được xét tặng Kỷ niệm chương: a) Cá nhân đã được tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Quản lý thị trường”; b) Người đã tự ý bỏ việc khỏi lực lượng Quản lý thị trường.		
	Điều 11. Giấy khen 1. Thủ trưởng đơn vị có tài khoản riêng, con dấu riêng, có tư cách pháp nhân thuộc và trực thuộc Bộ Công Thương tặng Giấy khen cho cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy quy chế của cơ quan, đơn vị, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:	Điều 10. Tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen Thủ trưởng các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ Công Thương tặng Giấy khen cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình theo các tiêu chuẩn sau: 1. Cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau: a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Thủ trưởng cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị phát động hoặc triển khai thực hiện; b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh	Giữ nguyên

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
	a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên; có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua do Bộ Công Thương hoặc đơn vị phát động; b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích xuất sắc, đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của đơn vị. 2. Thủ trưởng các đơn vị có tài khoản riêng, con dấu riêng, có tư cách pháp nhân thuộc và trực thuộc Bộ Công Thương tặng Giấy khen cho tập thể, hộ gia đình thuộc thẩm quyền quản lý đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy quy chế của cơ quan, đơn vị, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể, thực hành tiết kiệm đạt một trong các tiêu chuẩn sau: a) Đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên; có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua do Bộ Công Thương hoặc đơn vị phát động; b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích xuất sắc, đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.	hưởng trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị; c) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất đạo đức tốt; giữ gìn đoàn kết nội bộ; thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; d) Có thành tích, đóng góp cho sự phát triển của cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị, được xét tặng nhân dịp cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống (năm tròn); 2. Tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Thủ trưởng cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị phát động hoặc triển khai thực hiện; b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị; c) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; không có đơn thư khiếu nại, tố cáo; thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với các thành viên trong tập thể; d) Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển của cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị, được xét tặng nhân dịp cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống (năm tròn); 3. Hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp cho địa phương và xã hội trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị. 4. Cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích, đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển của cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị.	
	Điều 12. Quy định chung về hồ sơ, thủ tục khen thưởng, thẩm quyền khen thưởng, xét trình khen thưởng 1. Hồ sơ và thủ tục khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP. 2. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương gồm 01 bộ (bản chính) và bản file điện tử của hồ sơ khen thưởng, trừ văn bản có nội dung bí mật	Điều 11. Quy định chung về hồ sơ, thủ tục khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng 1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng bảo đảm đúng thời hạn, thành phần, nội dung theo quy định. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình trước khi trình cấp có thẩm quyền khen thưởng. 2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với các trường hợp quy định tại điểm b,	Nghị định số 98/2023/NĐ-CP đã bị thay thế bằng Nghị định số 152/2025/NĐ-CP, vì vậy Bộ quy định chung về hồ sơ, thủ tục khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng.

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
	Nhà nước; danh sách đề nghị tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển ngành Công Thương Việt Nam”/Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Quản lý thị trường” theo Mẫu số 01. 3. Thẩm quyền khen thưởng, trình khen thưởng đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP. 4. Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Công Thương xét khen thưởng theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Công Thương và các văn bản hướng dẫn tổng kết thi đua và xét trình khen thưởng của Bộ Công Thương.	c và e khoản 1 Điều 8; điểm b, c và d khoản 3 Điều 8 phải có ý kiến thống nhất của Lãnh đạo Bộ phụ trách trước khi gửi Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương. 3. Việc lập hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với Lãnh đạo Bộ do Văn phòng Bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ và các đơn vị có liên quan thực hiện. 4. Việc lập hồ sơ đề nghị tặng Cờ thi đua của Bộ Công Thương, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương đối với cá nhân, tập thể thuộc các tỉnh, thành phố do Sở Công Thương chủ trì hoặc tham mưu thực hiện. 5. Cá nhân đã nghỉ hưu, nay cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đã giải thể hoặc sáp nhập thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đó có trách nhiệm xem xét, đề nghị khen thưởng; cá nhân đã nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trận), hồ sơ đề nghị khen thưởng do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cá nhân đó trước khi nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trận) trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. 6. Việc khen thưởng đối với cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 và các văn bản liên quan về khen thưởng có yếu tố nước ngoài. 7. Việc lấy ý kiến các cơ quan liên quan trước khi trình Bộ trưởng xem xét, khen thưởng do Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương thực hiện. Trường hợp đã quá thời hạn trả lời trên văn bản lấy ý kiến của Bộ Công Thương mà các cơ quan chức năng chưa cho ý kiến hoặc cơ quan được xin ý kiến không thống nhất khen thưởng hoặc có ý kiến khác thì Vụ Tổ chức cán bộ tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến của cơ quan liên quan, Vụ Tổ chức cán bộ tổng hợp, trình Bộ trưởng xem xét, khen thưởng theo quy định. 8. Tập thể cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp hoặc Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp phải tiến hành bỏ phiếu khi họp xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Cờ thi đua của Bộ Công Thương”. Đối với cá nhân, tập thể được đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công Thương” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của tập thể cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp hoặc Hội đồng Thi đua -	

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
		Khen thưởng các cấp từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên của tập thể hoặc Hội đồng. Đối với cá nhân được đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của tập thể cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp hoặc Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của tập thể hoặc Hội đồng. Kết quả và tỷ lệ phiếu đồng ý của tập thể cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp hoặc Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp phải được thể hiện trong biên bản bình xét thi đua, biên bản xét khen thưởng. 9. Thời gian nộp hồ sơ đề nghị khen thưởng a) Đối với khen thưởng công trạng: Căn cứ kế hoạch tổng kết công tác của Bộ, ngành Công Thương hoặc chỉ đạo trực tiếp của Bộ trưởng, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương tham mưu ban hành văn bản hướng dẫn thời gian nộp hồ sơ khen thưởng công trạng hằng năm. b) Đối với khen thưởng sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, thi đua theo chuyên đề do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công Thương phát động: Thực hiện theo hướng dẫn riêng của từng phong trào thi đua. c) Đối với khen thưởng thành tích xuất sắc hoặc thành tích xuất sắc đột xuất: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị khen thưởng và gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương ngay sau khi cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc hoặc thành tích xuất sắc đột xuất. d) Đối với các hồ sơ đề nghị khen thưởng có phục vụ trao thưởng tại Hội nghị, Lễ Kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống, ngày tổ chức Đại hội...: Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương tối thiểu trước 25 ngày làm việc so với thời gian dự kiến tổ chức Hội nghị, Lễ Kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống, ngày tổ chức Đại hội... của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. đ) Đối với khen thưởng cho cá nhân trước thời điểm nghỉ hưu: Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi cá nhân có quyết định nghỉ hưu đề hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp sử dụng công chức, viên chức, người lao động lập hồ sơ đề nghị khen thưởng và gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương để tổng hợp, trình Bộ trưởng xem xét, tặng Bằng khen.	

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
	Không có	Điều 12. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng Giấy khen và các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Thủ trưởng các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ Công Thương 1. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Công Thương lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định khen thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Cờ thi đua của Bộ Công Thương”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Tập thể lao động tiên tiến” và Giấy khen. 2. Bộ phận tham mưu công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ Công Thương tổng hợp, thẩm định hồ sơ, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở; trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp khen thưởng các danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” và Giấy khen theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 80 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 và trình Bộ trưởng xem xét, khen thưởng các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng quy định tại khoản 2 Điều 79 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022. 3. Trên cơ sở kết quả bình xét: Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương”, “Tập thể lao động xuất sắc” của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở; Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công Thương” của Khối, Cụm thi đua do Bộ Công Thương tổ chức; Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” cho cá nhân, tập thể thuộc các đơn vị không có tư cách pháp nhân, Vụ Tổ chức cán bộ tổng hợp, thẩm định, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định. 4. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công Thương” cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua do Bộ trưởng Bộ Công Thương phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào được thực hiện theo hướng dẫn riêng đối với mỗi phong trào thi đua.	Thực hiện nội dung phân cấp tại điểm b ¹ , c ² khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP

¹ Điểm b: “Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng **phân cấp cho bộ**, ban, ngành, tỉnh thực hiện gồm: b) **Quy định hồ sơ, thủ tục đề nghị xét** tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của bộ, ban, ngành, tỉnh theo khoản 7 Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng gồm: Cờ thi đua của bộ, ban, ngành, tỉnh; Chiến sĩ thi đua bộ, ban, ngành, tỉnh; “Tập thể lao động xuất sắc”; “Đơn vị quyết thắng”; xã, phường, đặc khu tiêu biểu; Bằng khen, Kỷ niệm chương theo khoản 7 Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng;”

² Điểm c: “Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng **phân cấp cho bộ**, ban, ngành, tỉnh thực hiện gồm: c) Quy định hồ sơ thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh theo khoản 7 Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng gồm: “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”, danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa, “Gia đình văn hóa” và Giấy khen theo khoản 7 Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng;”

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
	Không có	Điều 13. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương 1. Hồ sơ, thủ tục khen thưởng thành tích đột xuất, thi đua theo chuyên đề Việc khen thưởng thành tích đột xuất, thi đua theo chuyên đề phải bảo đảm kịp thời, đáp ứng yêu cầu chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ về thời gian và dựa trên nguyên tắc thành tích đến đâu khen thưởng đến đó, cụ thể: a) Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp căn cứ kết quả, thành tích đạt được của cá nhân, tập thể hoặc văn bản hướng dẫn tổng kết thi đua theo chuyên đề do Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương tham mưu ban hành, trình xin chủ trương của Lãnh đạo Bộ phụ trách; lập hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương; b) Vụ Tổ chức cán bộ tổng hợp, thẩm định hồ sơ; báo cáo, xin ý kiến Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định. 2. Hồ sơ, thủ tục khen thưởng nhân dịp cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống (năm tròn) a) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đề xuất, trình Bộ trưởng xem xét, khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu, xuất sắc, có nhiều đóng góp trong quá trình xây dựng và phát triển của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Bộ phận tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có trách nhiệm tham mưu Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phối hợp với Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương báo cáo, trình xin chủ trương của Lãnh đạo Bộ phụ trách về việc khen thưởng cho các cá nhân, tập thể, bao gồm: loại hình khen thưởng, đối tượng, số lượng và nguồn kinh phí khen thưởng; lập hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương. b) Vụ Tổ chức cán bộ tổng hợp, thẩm định hồ sơ; báo cáo, xin ý kiến Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định. c) Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, Sở Công Thương trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, tặng thưởng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương cho các đơn vị, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Công Thương nhân dịp kỷ niệm (năm tròn) ngày thành lập của ngành Công Thương và của đơn vị, doanh nghiệp đã có đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Công Thương.	Thực hiện nội dung phân cấp tại điểm b, c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
		3. Hồ sơ, thủ tục khen thưởng đối với cá nhân, tập thể có thành tích, đóng góp trong quá trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ của Bộ Công Thương a) Căn cứ kết quả phối hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Bộ Công Thương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Công Thương chủ động đề xuất khen thưởng đối với các cá nhân, tập thể các bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc cá nhân, tập thể thuộc đơn vị mình có thành tích, trực tiếp phối hợp thực hiện nhiệm vụ; báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách; trình Bộ trưởng xem xét, cho ý kiến về chủ trương trước khi lập hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương. b) Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, căn cứ ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng, Vụ Tổ chức cán bộ phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện quy trình, thủ tục đề nghị khen thưởng theo quy định. 4. Hồ sơ, thủ tục khen thưởng đối với các cá nhân, tập thể thuộc doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác không thuộc quyền quản lý nhưng có thành tích đóng góp cho lĩnh vực quản lý thuộc ngành Công Thương a) Trên cơ sở hồ sơ đề nghị khen thưởng (gồm: nội dung thành tích đề nghị khen thưởng; nguồn kinh phí chi khen thưởng đối với cá nhân, tập thể được khen thưởng; văn bản xin ý kiến các đơn vị (nếu có)) của Thủ trưởng các đơn vị, Công đoàn ngành Công Thương Việt Nam... gửi Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương kèm theo tổng hợp thẩm định và chủ trương của Lãnh đạo Bộ phụ trách; b) Vụ Tổ chức cán bộ phối hợp với các cơ quan liên quan lấy ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu doanh nghiệp thuộc quản lý của tỉnh) hoặc Bộ quản lý (nếu doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác thuộc quyền quản lý của Bộ, ngành khác) và xin ý kiến Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương, tổng hợp, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định. 5. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng đối với cá nhân trước khi nghỉ hưu a) Đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động căn cứ quá trình công tác của cá nhân, đối chiếu quy định; lập hồ sơ đề nghị khen thưởng và gửi Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương để thực hiện quy trình khen thưởng. b) Vụ Tổ chức cán bộ tổng hợp, thẩm định hồ sơ, xin ý kiến Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định. 6. Hồ sơ, thủ tục khen thưởng công trạng hàng năm	

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
		a) Căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể; Căn cứ kết quả xét, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tiến hành họp, bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với cá nhân, tập thể thuộc thẩm quyền quản lý; lập hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương. b) Căn cứ quy định về tiêu chuẩn, điều kiện xét khen thưởng, Vụ Tổ chức cán bộ xây dựng báo cáo tổng hợp, thẩm định khen thưởng; đề xuất tổ chức họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương để bình xét khen thưởng. c) Trên cơ sở kết quả bình xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương, Vụ Tổ chức cán bộ tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định. 7. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng của Khối, Cụm thi đua của Bộ Công Thương a) Trên cơ sở kết quả bình xét của các Khối, Cụm thi đua do Bộ Công Thương tổ chức; Khối, Cụm thi đua lập hồ sơ đề nghị khen thưởng cho thành viên dẫn đầu Khối, Cụm thi đua gửi Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương. b) Căn cứ quy định về tiêu chuẩn, điều kiện xét khen thưởng, Vụ Tổ chức cán bộ thẩm định. c) Vụ Tổ chức cán bộ tổng hợp, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định. 8. Hồ sơ, thủ tục khen thưởng đối với các trường hợp khác a) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương có trách nhiệm tổng hợp, thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng về thành tích liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; báo cáo Thủ trưởng phụ trách, trình xin chủ trương của Bộ trưởng và lập hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương. Tờ trình đề nghị khen thưởng phải bảo đảm các thông tin sau: Ý kiến của đơn vị về các thành tích thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ tham mưu của đơn vị; nội dung thành tích đề nghị khen thưởng; nguồn kinh phí chi khen thưởng đối với cá nhân, tập thể được khen thưởng; văn bản xin ý kiến các đơn vị thuộc Bộ Công Thương (nếu có)...; b) Vụ Tổ chức cán bộ thực hiện lấy ý kiến các đơn vị liên quan và xin ý kiến Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương, tổng hợp, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.	

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
	Không có	Điều 14. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển ngành Công Thương Việt Nam” 1. Căn cứ quy định về điều kiện, tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị khen thưởng và gửi Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương. 2. Vụ Tổ chức cán bộ tổng hợp, thẩm định hồ sơ; báo cáo, xin ý kiến Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định. 3. Các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực Công Thương đề nghị tặng Kỷ niệm chương cho các cá nhân thuộc phạm vi quản lý có đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Công Thương qua các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, Sở Công Thương. 4. Đối với các Tập đoàn thuộc các Bộ, ngành đề nghị tặng Kỷ niệm chương cho các cá nhân, trình qua các Bộ, ngành trực tiếp quản lý tổ chức, biên chế và quỹ lương. Các Bộ, ngành đề xuất Bộ Công Thương tặng Kỷ niệm chương cho các cá nhân thuộc các doanh nghiệp, Tập đoàn.	Thực hiện nội dung phân cấp tại điểm b, c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP
	Không có	Điều 15. Số lượng, thành phần hồ sơ; thời gian thông báo kết quả thẩm định, kết quả khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng và Thủ trưởng các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ Công Thương 1. Số lượng hồ sơ Số lượng hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng và Thủ trưởng các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ Công Thương gồm 01 bộ (bản chính) và văn bản điện tử của hồ sơ khen thưởng, trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước. 2. Thành phần hồ sơ a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (Mẫu số 1.1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư). b) Báo cáo thành tích của đối tượng được đề nghị khen thưởng (Mẫu số 1.2, Mẫu số 1.3, Mẫu số 1.4, Mẫu số 1.5 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư). c) Biên bản bình xét thi đua hoặc biên bản xét khen thưởng: Biên bản bình xét thi đua của tập thể cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp hoặc Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp trong trường hợp đề nghị các danh hiệu thi đua “Tập thể lao động xuất sắc”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”.	Thực hiện nội dung phân cấp tại điểm b, c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
		Biên bản bình xét thi đua và kết quả bỏ phiếu của tập thể cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp hoặc Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp trong trường hợp đề nghị các danh hiệu thi đua “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương”, “Cờ thi đua của Bộ Công Thương”. Biên bản bình xét của Khối, Cụm thi đua do Bộ Công Thương tổ chức trong trường hợp đề nghị tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công Thương”. Biên bản xét khen thưởng của tập thể cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp hoặc Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp trong trường hợp đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Giấy khen. Biên bản xét khen thưởng của Khối, Cụm thi đua do Bộ Công Thương tổ chức trong trường hợp đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương. d) Quyết định hoặc văn bản xác nhận về sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong phạm vi Bộ Công Thương (Mẫu số 1.8 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư) hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ Công Thương đối với trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương”. Quyết định hoặc văn bản xác nhận của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có thẩm quyền đối với sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ trong trường hợp đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương có tiêu chuẩn liên quan tới sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ. 3. Thời gian thông báo kết quả thẩm định, kết quả khen thưởng a) Đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Công Thương Đối với các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định, Vụ Tổ chức cán bộ thực hiện quy trình đề nghị Bộ trưởng xem xét, quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng và thông báo cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trình khen trong thời gian 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị khen thưởng, Vụ Tổ chức cán bộ thông báo cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trình khen. b) Đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm	

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
		quyền của Thủ trưởng các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ Công Thương Đối với các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định, bộ phận tham mưu công tác thi đua, khen thưởng thực hiện quy trình đề nghị Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp xem xét, quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng và thông báo cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trình khen trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị khen thưởng, bộ phận tham mưu công tác thi đua, khen thưởng thông báo cho đơn vị, doanh nghiệp trình khen.	
	Không có	Điều 16. Quy định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể thuộc quyền quản lý của Bộ Công Thương Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Công Thương thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Bộ Công Thương.	Quy định nội dung được phân cấp tại điểm d khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152 ³
	Không có	Chương III THỦ TỤC CẤP ĐỔI, CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG; THỦ TỤC HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA BỘ VÀ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, DOANH NGHIỆP THUỘC BỘ CÔNG THƯƠNG	Bổ sung
	Không có	Điều 17. Hồ sơ, thủ tục cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương 1. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình có nguyện vọng cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng lập hồ sơ gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương. Hồ sơ có 01 bộ (bản chính), gồm: a) Công văn đề nghị cấp đổi, cấp lại của tập thể hoặc đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại của cá nhân, hộ gia đình khi có hiện vật khen thưởng bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng hoặc hư hỏng, thất lạc vì lý do khách quan như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn hoặc do in sai bằng kèm theo	Thực hiện nội dung phân cấp tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP

³ điểm d khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152 quy định như sau: “2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng **phân cấp cho bộ**, ... gồm: “d) Quy định việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể thuộc quyền quản lý theo **khoản 7 Điều 84** của Luật Thi đua, khen thưởng;”. **Khoản 7 Điều 84** của Luật TĐKT quy định như sau: “7. Chính phủ quy định chi tiết ... việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể...”

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
		(Mẫu số 2.1, Mẫu số 2.2, Mẫu số 2.3 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư); b) Hiện vật khen thưởng đề nghị cấp đổi (đối với trường hợp đề nghị cấp đổi). 2. Vụ Tổ chức cán bộ đối chiếu với hồ sơ lưu, xác nhận, tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại của cá nhân, tập thể, hộ gia đình. Hiện vật khen thưởng cấp đổi, cấp lại thực hiện đối với huy hiệu “Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương”, “Cờ thi đua của Bộ Công Thương”, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển ngành Công Thương Việt Nam” và bằng của các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua. Hiện vật cấp đổi, cấp lại do Vụ Tổ chức cán bộ chịu trách nhiệm mua sắm, in ấn theo mẫu quy định như sau: Mẫu Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển ngành Công Thương Việt Nam”, mẫu “Cờ thi đua của Bộ Công Thương”, mẫu huy hiệu “Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương” thực hiện theo quy định của Chính phủ. Mẫu bằng cấp đổi, cấp lại do các đồng chí lãnh đạo đã hết nhiệm kỳ ký in theo thiết kế tại thời điểm cá nhân, tập thể, hộ gia đình được khen thưởng, trong đó: Nội dung thành tích viết theo quyết định khen thưởng, phía dưới bên phải bằng in sẵn mẫu con dấu và chữ ký của người có thẩm quyền khen thưởng tại thời điểm đó (mẫu con dấu và mẫu chữ ký in sẵn được phục chế từ mẫu con dấu và chữ ký trong bằng đã được khen thưởng trước đây; quyết định khen thưởng; văn bản giới thiệu chữ ký của Bộ Công Thương; văn bản quy định mẫu con dấu của Bộ Công an); phía dưới bên trái bằng ghi “Quyết định khen thưởng số, ngày, tháng, năm” và ghi “Chứng nhận cấp lại bằng số: .../GCN-BCT. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình khi được cấp đổi, cấp lại bằng sẽ được nhận kèm theo Giấy chứng nhận cấp đổi, cấp lại (Mẫu số 2.4 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư). Mẫu bằng cấp đổi, cấp lại do các đồng chí lãnh đạo đang đương nhiệm ký thực hiện theo mẫu bằng quy định hiện hành. 3. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm thanh lý hoặc xử lý, tiêu hủy hiện vật khen thưởng thu lại do cấp đổi theo quy định.	
	Không có	Điều 18. Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng và Thủ trưởng các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ Công Thương 1. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình có hành vi thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 bị hủy bỏ quyết	Thực hiện nội dung phân cấp tại điểm g khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
		định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận. 2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc cá nhân, tập thể, hộ gia đình có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đã trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng. 3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có 01 bộ (bản chính) gồm: a) Tờ trình của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đề nghị thu hồi đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của cá nhân, tập thể, hộ gia đình; b) Báo cáo tóm tắt của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực tiếp trình khen thưởng về lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (kèm theo Quyết định khen thưởng). 4. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định hủy bỏ quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Công Thương. Bộ phận tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp xem xét, quyết định hủy bỏ quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. 5. Thời hạn tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, hủy bỏ quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	
	Không có	Điều 19. Thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Công Thương 1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định hủy bỏ quyết định khen thưởng của Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Công Thương, cá nhân, tập thể, hộ gia đình có trách nhiệm nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đã trình khen và chi tiền thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình.	Thực hiện nội dung phân cấp tại điểm h khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
		2. Vụ Tổ chức cán bộ, bộ phận tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Công Thương có trách nhiệm đôn đốc cá nhân, tập thể, hộ gia đình nộp lại hiện vật khen thưởng đúng thời hạn và tổ chức thu hồi tiền thưởng theo quy định; tiền thưởng bị thu hồi được nộp vào ngân sách nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.	
	Không có	Chương IV TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG VÀ HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN CÁC CẤP	Bổ sung
	Không có	Điều 20. Tổ chức của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp thuộc Bộ Công Thương 1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp thuộc Bộ Công Thương gồm: a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương; b) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở. 2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương do Bộ trưởng Bộ Công Thương thành lập, có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho Bộ trưởng về công tác thi đua, khen thưởng của Bộ và ngành Công Thương. b) Thành phần của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương là Bộ trưởng Bộ Công Thương; các Phó Chủ tịch gồm: các Thứ trưởng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ; các ủy viên Hội đồng do Bộ trưởng xem xét, quyết định. c) Vụ Tổ chức cán bộ là Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương. 3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở a) Thủ trưởng các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị có tài khoản riêng, con dấu riêng hoặc có tư cách pháp nhân ra quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị. Đối với các đơn vị được quy định tại khoản 6 Điều 3 trình khen thưởng do Lãnh đạo đơn vị cùng đại diện cấp ủy đảng xem xét, thống nhất trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương. b) Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở gồm:	Thực hiện nội dung phân cấp tại điểm đ, e khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
		- Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; - Người đứng đầu tổ chức giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện công tác thi đua, khen thưởng là Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở hoặc Ủy viên thường trực; các Phó Chủ tịch và Ủy viên khác của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quyết định; - Thư ký Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở là công chức, viên chức trực tiếp tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. c) Bộ phận tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng là Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở.	
	Không có	Điều 21. Hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở 1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng làm việc theo chế độ tập thể, cá nhân phụ trách; tổ chức họp theo yêu cầu của công tác thi đua, khen thưởng. 2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng họp khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên tham dự. 3. Tại các kỳ họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Ủy viên Hội đồng nếu vắng mặt phải cử người đi họp thay để bảo đảm tính liên tục và thẩm quyền quyết định những việc có liên quan đến lĩnh vực đơn vị mình phụ trách; ý kiến của người đi họp thay được coi là ý kiến của Ủy viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng. Người đi họp thay chịu trách nhiệm về ý kiến đã tham gia thảo luận tại cuộc họp cũng như các quyết định của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; được bỏ phiếu bình xét thi đua, khen thưởng và tham gia quyết nghị các nội dung thảo luận của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; báo cáo ngay với Ủy viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng về nội dung, kết quả cuộc họp. 4. Việc bình xét khen thưởng được thực hiện bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu. Thực hiện bỏ phiếu đối với các trường hợp xét khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, “Cờ thi đua của Bộ Công Thương”, “Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và các trường hợp khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng. Trong trường hợp cá nhân, tập thể đạt tỷ lệ phiếu nhưng vượt quá tỷ lệ khen thưởng thì lấy kết quả từ cao xuống thấp; trường hợp cuối cùng nếu có	Thực hiện nội dung phân cấp tại điểm đ, e khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
		số phiếu bằng nhau thì lấy theo kết quả biểu quyết hoặc bỏ phiếu của Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng. 5. Tùy theo nội dung cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng có thể quyết định mời thêm một số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan tham dự cuộc họp. Các đại biểu mời dự họp được phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết hoặc bỏ phiếu. 6. Ủy viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. 7. Trong trường hợp không tổ chức họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm gửi văn bản, tài liệu, lấy ý kiến của từng Ủy viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xem xét, quyết định. 8. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng được sử dụng con dấu của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. 9. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về công tác thi đua, khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương. Các Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở phối hợp với nhau trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ về công tác thi đua, khen thưởng và cùng chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về công tác thi đua, khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Công Thương.	
	Điều 13. Hội đồng Sáng kiến Bộ Công Thương 1. Hội đồng Sáng kiến Bộ Công Thương là cơ quan do Bộ trưởng Bộ Công Thương thành lập, giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. 2. Thành phần Hội đồng Sáng kiến Bộ Công Thương gồm: a) Chủ tịch Hội đồng Sáng kiến Bộ Công Thương là Thủ trưởng phụ trách Vụ Khoa học và Công nghệ; b) Phó Chủ tịch gồm: Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ; c) Các Ủy viên do Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định. 3. Vụ Tổ chức cán bộ là Cơ quan thường trực của	Điều 22. Hội đồng Sáng kiến Bộ Công Thương 1. Hội đồng Sáng kiến Bộ Công Thương là cơ quan do Bộ trưởng Bộ Công Thương thành lập, giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương công nhận áp dụng hiệu quả và khả năng nhân rộng của sáng kiến để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. 2. Thành phần Hội đồng Sáng kiến Bộ Công Thương gồm: a) Chủ tịch Hội đồng Sáng kiến Bộ Công Thương là Thủ trưởng phụ trách Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công; b) Phó Chủ tịch gồm: Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công; c) Các Ủy viên do Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định. 3. Vụ Tổ chức cán bộ là Cơ quan Thường trực của Hội đồng Sáng kiến Bộ Công Thương có nhiệm vụ thẩm định hồ sơ của Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở và ký xác nhận sáng kiến (Mẫu số 1.8 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư).	Giữ nguyên

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
	Hội đồng Sáng kiến Bộ Công Thương có nhiệm vụ thẩm định hồ sơ của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở và ký xác nhận sáng kiến. 4. Hội đồng Sáng kiến Bộ Công Thương làm việc theo Quy chế tổ chức, hoạt động do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành. Cuộc họp của Hội đồng Sáng kiến Bộ Công Thương được tổ chức khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự bao gồm trực tiếp và online. Chủ trì cuộc họp là Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền. 5. Nguồn kinh phí bố trí cho hoạt động của Hội đồng sáng kiến từ ngân sách Nhà nước cấp cho Bộ Công Thương hoặc các nguồn kinh phí khác phù hợp theo quy định của pháp luật.	4. Hội đồng Sáng kiến Bộ Công Thương làm việc theo Quy chế tổ chức, hoạt động do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành. Cuộc họp của Hội đồng Sáng kiến Bộ Công Thương được tổ chức khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự bao gồm cả trực tiếp và online. Chủ trì cuộc họp là Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền. 5. Nguồn kinh phí bố trí cho hoạt động của Hội đồng Sáng kiến từ ngân sách Nhà nước cấp cho Bộ Công Thương hoặc các nguồn kinh phí khác phù hợp theo quy định của pháp luật và thực thanh, thực chi theo đúng quy định.	
	Điều 14. Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở 1. Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở có nhiệm vụ công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến cấp cơ sở và trình cấp trên xét công nhận sáng kiến cấp/Bộ, cấp/toàn quốc để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. 2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Công Thương có tài khoản riêng, con dấu riêng hoặc tư cách pháp nhân ra quyết định thành lập Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở của đơn vị. 3. Thành phần Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở gồm: Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng và các Ủy viên. Hội đồng làm việc theo quy chế hoạt động do Thủ trưởng đơn vị ban hành. 4. Đối với các đơn vị không có tư cách pháp nhân: Lãnh đạo đơn vị, đại diện cấp ủy đảng và tổ chức đoàn thể xem xét, thống nhất đề nghị Hội đồng sáng kiến cấp Bộ công nhận sáng kiến cấp cơ sở.	Điều 23. Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở 1. Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở có nhiệm vụ xét, công nhận sáng kiến cơ sở; xem xét, trình cấp trên xét công nhận áp dụng hiệu quả và khả năng nhân rộng của sáng kiến cấp Bộ, cấp toàn quốc để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. 2. Thủ trưởng các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị có tài khoản riêng, con dấu riêng hoặc tư cách pháp nhân ra quyết định thành lập Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. 3. Thành phần Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở gồm: Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng và các Ủy viên. Hội đồng làm việc theo quy chế hoạt động do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ban hành. 4. Đối với các đơn vị không có tư cách pháp nhân: Lãnh đạo đơn vị cùng đại diện cấp ủy đảng xem xét, thống nhất, công nhận sáng kiến cơ sở; xem xét, trình cấp trên xét công nhận áp dụng hiệu quả và khả năng nhân rộng của sáng kiến cấp Bộ, cấp toàn quốc để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.	Giữ nguyên
	Không có	Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN	Bổ sung

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
	Điều 16. Hiệu lực thi hành 1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 20/02/2025. 2. Thông tư này bãi bỏ một số Thông tư sau: a) Thông tư số 40/2019/TT-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thi hành công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Công Thương; b) Thông tư số 18/2021/TT-BCT ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2019/TT-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thi hành công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Công Thương; c) Thông tư số 22/2023/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; d) Quyết định số 14/2007/QĐ-BTM ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc ban hành Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Quản lý thị trường”; đ) Quyết định số 15/2007/QĐ-BTM ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc ban hành Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Quản lý thị trường” và các quy định có liên quan của Bộ Công Thương có nội dung khác với quy định tại Thông tư này hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực. 3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản mới ban hành.	Điều 24. Hiệu lực thi hành 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 01 năm 2026. 2. Thông tư số 43/2024/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và quy định về Hội đồng Sáng kiến đối với ngành Công Thương hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành. 3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản mới ban hành.	
	Điều 15. Quy định chuyển tiếp Các hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đã gửi về Bộ Công Thương (theo dấu công văn đến) trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại các văn bản quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này.	Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp Các hồ sơ đã gửi về Bộ Công Thương (theo dấu văn bản đến) trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 43/2024/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và quy định về Hội đồng Sáng kiến đối với ngành Công Thương.	

TT	Thông tư số 43/2024/TT-BCT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
	Điều 17. Tổ chức thực hiện 1. Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thuộc ngành Công Thương trong việc triển khai thực hiện Thông tư này; căn cứ tình hình thực tiễn phong trào thi đua hằng năm để nghiên cứu, đề xuất số lượng và tỷ lệ khen thưởng trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định. 2. Thủ trưởng các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này. 3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Bộ Công Thương (thông qua Vụ Tổ chức cán bộ) để xem xét, giải quyết.	Điều 26. Tổ chức thực hiện 1. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc ngành Công Thương trong việc triển khai thực hiện Thông tư này; căn cứ tình hình thực tiễn phong trào thi đua hằng năm để nghiên cứu, đề xuất số lượng và tỷ lệ khen thưởng trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định. 2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này. 3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Công Thương (thông qua Vụ Tổ chức cán bộ) để tổng hợp, xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.	